

Bản án số: 127/2017/DS-PT

Ngày: 03-7-2017

V/v tranh chấp dân

sự về đòi lại tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Giao.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tấn Tạng.

Ông Ngô Tấn Lợi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Hương, Cán bộ Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Ông Võ Văn Nô, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 14 tháng 6 năm 2017 và ngày 03 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 48/2017/TLPT-DS ngày 14 tháng 4 năm 2017 “Về việc tranh chấp dân sự về đòi lại tài sản”;

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 05/2017/DS-ST ngày 03 tháng 3 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Tháp bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 84/2017/QĐ-PT ngày 26 tháng 4 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Ngô Thanh N, sinh năm: 1968;

Địa chỉ: Tổ B, khóm M, thị trấn.T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Ngô Thanh N là bà Võ Thị Băng G, sinh năm: 1957; *Địa chỉ*: Khóm M, thị trấn.T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp (theo văn bản ủy quyền ngày 16/11/2016) (có mặt);

2. Bị đơn: Ông Lê Văn Đ, sinh năm: 1972 (có mặt);

Địa chỉ: Khóm M, thị trấn. T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn Lê Văn Đ là Luật sư Võ Thị Th – Văn phòng luật sư X thuộc đoàn luật sư tỉnh Đồng Tháp (có mặt).

3. Người kháng cáo: Bị đơn ông Lê Văn Đ, sinh năm: 1972;

Địa chỉ: Khóm M, thị trấn. T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn ông Ngô Thanh N ủy quyền cho bà Võ Thị Băng G trình bày: Khoảng tháng 10/2014, bà Lý Thị A có môi giới cho ông Ngô Thanh N mua 07 nền nhà ở cụm dân cư xã Tr, huyện C, theo mức giá do Ủy ban nhân dân huyện C quyết định, không phải đấu giá tự do. Qua giới thiệu của bà A thì ông N gặp ông Lê Văn Đ. Ông Đ đồng ý mua cho ông N 05 nền nhà tại cụm dân cư xã Tr, huyện C theo giá Ủy ban nhân dân huyện đã quyết định. Ông N và ông Đ thống nhất tiền huê hồng là 40.000.000 đồng/01 nền nhà nếu ông N mua được, ông Đ đồng ý và tính tiền huê hồng 05 nền nhà là 200.000.000 đồng.

Ngày 15/12/2014, ông Đ nhận của ông N 150.000.000 đồng, có viết biên nhận. Sau đó, ông Đ không thực hiện như thỏa thuận mà ông N mua nền nhà ở cụm dân cư xã Tr phải đấu giá tự do và thực tế ông N đã mua được tổng cộng 03 nền nhà trong đó mua 02 nền với giá 425.000.000 đồng và 01 nền giá 440.000.000 đồng.

Ông N khẳng định số tiền 150.000.000 đồng mà ông Đ nhận của ông N ngày 15/12/2014 là tiền huê hồng để ông Đ mua nền nhà cho ông N theo giá do Ủy ban nhân dân huyện C quyết định mà không phải đấu giá. Do ông Đ không thực hiện như thỏa thuận nên ông N yêu cầu ông Đ trả lại số tiền 150.000.000 đồng mà ông Đ đã nhận của ông N vào ngày 15/12/2014.

- Trong quá trình tố tụng tại Tòa án, bị đơn ông Lê Văn Đ trình bày: Ông Lê Văn Đ biết ông Ngô Thanh N qua giới thiệu của bà Lý Thị A. Sau khi thỏa thuận, ông Đ đồng ý đứng ra đấu giá nền nhà tại cụm dân cư xã Tr, huyện C cho ông N. Ông Đ và ông N thỏa thuận nếu đấu giá thành công thì ông N sẽ trả huê hồng cho ông Đ 50.000.000đồng/01 nền. Thực tế thông qua đấu giá ông Đ đưa ra thì ông N đã đấu giá thành công 03 nền nhà tại cụm dân cư xã Tr, huyện C. Ông Đ thừa nhận ngày 15/12/2014 có ký và nhận của ông N 150.000.000 đồng, nhưng số tiền 150.000.000 đồng này không phải là tiền huê hồng mà đó là tiền ông N đưa cho ông Đ đi đóng các chi phí để đấu giá nền nhà tại cụm dân cư xã Tr và thực tế ông đã sử dụng số tiền 150.000.000 đồng để đóng phí đấu giá nền nhà cho ông N hết. Ông Đ không có thỏa thuận với ông N mua 05 nền nhà ở cụm dân cư xã Tr theo giá của Ủy ban nhân dân huyện C quyết định như lời trình bày của ông N. Ông Đ không đồng ý trả cho ông N số tiền 150.000.000 đồng theo yêu cầu của ông N, vì số tiền trên ông Đ đã sử dụng để đi đóng các chi phí để đấu giá nền nhà tại cụm dân cư xã Tr, huyện C cho ông N xong.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 05/2017/DS-ST ngày 03 tháng 3 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Tháp đã tuyên xử:

Áp dụng Điều 166 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án:

- Chấp nhận yêu cầu của ông Ngô Thanh N.

- Buộc ông Lê Văn Đ có nghĩa vụ trả cho ông Ngô Thanh N 150.000.000 đồng.

- Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bên có quyền có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ chậm thi hành nghĩa vụ của mình thì phải chịu lãi theo mức lãi suất bằng 10%/năm, tương ứng với thời gian chậm thi hành án cho đến khi thi hành xong.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, đến ngày 15 tháng 3 năm 2017 ông Lê Văn Đ kháng cáo không đồng ý bản án sơ thẩm đã xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

Sau khi xét xử sơ thẩm, ông Lê Văn Đ kháng cáo không đồng ý toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm, ông Đ không đồng ý trả số tiền 150.000.000 đồng cho ông Ngô Thanh N, yêu cầu Tòa phúc thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông N. Còn ông N thì đồng ý theo bản án sơ thẩm đã xét xử và tại phiên tòa phúc thẩm ông N vẫn giữ nguyên theo đơn khởi kiện là yêu cầu ông Đ trả cho ông N số tiền 150.000.000 đồng như án sơ thẩm đã tuyên.

Đồng thời, tại phiên tòa phúc thẩm, ông Đ trình bày cho rằng số tiền 150.000.000 đồng mà ông đã làm biên nhận và nhận của ông N vào ngày 15/12/2014 ông đã xuất ra đóng phí đấu giá nền nhà cho ông N tại cụm dân cư xã Tr hết nên ông Đ không đồng ý trả lại số tiền 150.000.000 đồng trên theo như yêu cầu của ông N. Và ông Đ trình bày cho rằng việc ông nộp số tiền 150.000.000 đồng trên có bà Phạm Thanh L (thủ quỹ của Trung tâm phát triển quỹ đất huyện C) biết.

Xét qua nội dung đơn kháng cáo cũng như lời trình bày của ông Đ tại phiên tòa phúc thẩm là hoàn toàn không có căn cứ nên không được chấp nhận, bởi lẽ: Tại phiên tòa phúc thẩm thì ông Đ không có tài liệu, chứng cứ nào khác để chứng minh số tiền 150.000.000 đồng mà ông Đ nhận của ông N theo biên nhận ngày 15/12/2014 là tiền mà ông N đưa cho ông Đ để đóng phí đấu giá nền nhà cho ông N tại cụm dân cư xã Tr mà số tiền 150.000.000 đồng trên ông Đ nhận của ông N là tiền huê hồng mà ông N giao cho ông Đ mua nền nhà tại cụm dân cư xã Tr mà ông Đ hứa với ông N là không phải qua đấu giá, nhưng ông Đ không thực hiện nên ông N phải đấu giá mới mua được nền nhà tại cụm dân cư xã Tr; Và tại biên bản lấy lời khai của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp vào ngày 15/6/2017 đối với bà Phạm Thanh L thì bà L trình bày là bà L chỉ biết ông Đ có nộp tiền chi phí đấu giá nền nhà cho ông N, nhưng không biết nguồn tiền mà ông Đ nộp là của ai. Đồng thời tại phiên tòa phúc thẩm thì ông Đ trình bày việc ông làm biên nhận vào ngày 15/12/2014 để nhận 150.000.000 đồng của ông N thì ông Đ chưa biết gì về việc đấu giá tại

cụm dân cư xã Tr, điều đó cho thấy số tiền 150.000.000 đồng trên không phải là tiền ông Đ nhận để đi nộp chi phí đấu giá tại cụm dân cư xã Tr cho ông N và hiện biên nhận của số tiền 150.000.000 đồng trên ông N vẫn còn giữ, điều đó cho thấy ông Đ chưa trả số tiền 150.000.000 đồng trên cho ông N là hoàn toàn có căn cứ.

Từ những nhận định phân tích trên, xét thấy bản án sơ thẩm xét xử chấp nhận yêu cầu của ông N về việc yêu cầu ông Đ có trách nhiệm hoàn trả cho ông N số tiền 150.000.000 đồng là hoàn toàn có căn cứ nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Đ.

Tại phiên tòa, luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Đ trình bày cho rằng số tiền 150.000.000 đồng mà ông Đ làm biên nhận và nhận của ông N vào ngày 15/12/2014 là tiền ông N đưa ông Đ để nộp chi phí đấu giá nền nhà cho ông N tại cụm dân cư xã Tr và ông Đ đã nộp hết số tiền 150.000.000 đồng trên tại Trung tâm phát triển quỹ đất huyện C nên đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên kháng cáo của ông Đ, sửa án sơ thẩm, đồng thời bác đơn khởi kiện của ông N về việc ông N yêu cầu ông Đ trả cho ông N số tiền 150.000.000 đồng. Xét qua lời trình bày trên của vị luật sư là không có cơ sở như đã phân tích của Hội đồng xét xử nói trên nên không được chấp nhận.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm. Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử cũng như các đương sự đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Đ. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

Xét thấy án sơ thẩm tuyên về lãi suất chậm thi hành án bằng 10%/năm là chưa đúng theo quy định của Bộ luật dân sự nên cần phải sửa bản án về phần lãi chậm thi hành án là tính mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 là phù hợp.

Do kháng cáo của ông Đ không được chấp nhận nên ông Đ phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự.

Các phần khác không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 166 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Pháp lệnh số: 10/2009/UBTVQH-12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

- Không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Văn Đ.
- Sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 05/2017/DS-ST ngày 03 tháng 3 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Tháp.
- Buộc ông Lê Văn Đ có nghĩa vụ trả cho ông Ngô Thanh N 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng).
- Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bên có quyền có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ chậm thi hành nghĩa vụ của mình thì phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với thời gian chậm thi hành án cho đến khi thi hành xong.

Về án phí:

- Ông Lê Văn Đ phải nộp 7.500.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.
- Ông Ngô Thanh N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho ông Ngô Thanh N 3.750.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà ông N đã nộp theo biên lai thu số 04922 ngày 07/11/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, Đồng Tháp.
- Ông Lê Văn Đ phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí phúc thẩm, nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí kháng

cáo theo biên lai thu số 12760 ngày 15/3/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, Đồng Tháp (Ông Lê Văn Đ đã nộp xong án phí phúc thẩm).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- TAND huyện C;
- CCTHADS huyện C;
- Phòng KTNV-THA TAND tỉnh ĐT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Ngọc Giao